

# ĐA DẠNG HÓA VÀ VAI TRÒ CỦA ĐA DẠNG HÓA TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

● BÙI KIM YẾN - TRẦN TRIỆU ANH KHOA

## TÓM TẮT:

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, các doanh nghiệp phi tài chính đang ngày càng dồn các nguồn lực cho hoạt động chuyên môn hóa, nhằm tối ưu hiệu quả kinh doanh. Trong khi đó, các doanh nghiệp tài chính, cụ thể là các ngân hàng thương mại lại có xu hướng tăng cường hoạt động đa dạng hóa trong kinh doanh. Bài nghiên cứu này đánh giá vai trò của đa dạng hóa trong hoạt động của ngân hàng, nhằm xác định các tác động đến các vấn đề của ngân hàng, qua đó có ảnh hưởng đến việc tạo ra giá trị.

**Từ khóa:** đa dạng hóa, ngân hàng thương mại.

## 1. Đặt vấn đề

Doanh thu của các ngân hàng thương mại chủ yếu đến từ hai nguồn: thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi. Các ngân hàng thương mại tăng cường đa dạng hóa bằng cách gia tăng nguồn thu nhập ngoài lãi, bao gồm: thu nhập từ hoạt động cung cấp dịch vụ, thu nhập từ hoạt động ngoại hối và đầu tư, thu nhập từ hoạt động khác.

Các giá trị tăng thêm từ việc đẩy mạnh đa dạng hóa chủ yếu xuất phát từ hai nguyên nhân. Thứ nhất là lợi thế quy mô, ngân hàng là một ngành đặc thù có tỷ lệ định phí trên biến phí cao, do đó việc đẩy mạnh đa dạng hóa sang các hoạt động có liên quan sẽ mang lại lợi thế chi phí so với các đối thủ cạnh tranh chuyên môn hóa. Ví dụ: Bán bảo hiểm nhân thọ thông qua mạng lưới chi nhánh hiện hữu có thể mang lại hiệu quả kinh tế về chi phí theo quy mô. Thứ hai là những tiến bộ về mặt công nghệ và

sự giảm điều tiết thị trường của chính phủ. Boot (2003) cho rằng, các ngân hàng xem đa dạng hóa như là một chiến lược chính ứng phó với tính bất định trong kinh doanh. Các ngân hàng đầu tư đa dạng hóa các lĩnh vực kinh doanh nhằm có được những lợi thế cần thiết để đưa ra những quyết định hiệu quả và thu được lợi nhuận khi lĩnh vực kinh doanh đó phát triển mạnh. Tuy nhiên, chiến lược chủ động này đôi khi không mang đến hiệu quả đồng đều cho tất cả các ngân hàng. Một vài ngân hàng sẽ phát triển, trong khi các ngân hàng còn lại sẽ phải gánh chịu những tổn thất từ việc tham gia thị trường không thành công.

Mục tiêu của bài nghiên cứu này nhằm cung cấp một góc nhìn tổng quát về tác động và vai trò của đa dạng hóa trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thông qua lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm.

## **2. Lược khảo các nghiên cứu về đa dạng hóa trong hoạt động ngân hàng**

### **2.1. Các hình thái và đo lường đa dạng hóa**

Các nghiên cứu về đa dạng hóa trong ngân hàng đề cập đến một số loại hình đa dạng hóa, bao gồm: đa dạng hóa về sản phẩm dịch vụ (Christiansen & Pace, 1994), đa dạng hóa về tín dụng, tiền gửi, tài sản và địa lý (Berger & ctg, 2010; Goetz & ctg, 2013), đa dạng hóa thu nhập (Pennathur & ctg, 2012; Gambacorta & ctg, 2014). Liang & Rhoades (1991) cho chiến lược đa dạng hóa của các ngân hàng phụ thuộc vào quy mô cũng như tính đa dạng của thị trường mà các ngân hàng này hoạt động. Các ngân hàng thực hiện đa dạng hóa tài sản thông qua kênh tài trợ tín dụng, đầu tư vào trái phiếu chính phủ hoặc các sản phẩm khác trên thị trường chứng khoán. Các hoạt động đa dạng hóa trên còn được gọi là đa dạng hóa sản phẩm (Ebrahim & Hasan, 2008) và đa dạng hóa thu nhập (Pennathur & ctg, 2012; Gambacorta & ctg, 2014).

Ebrahim & Hasan (2008) cho rằng, đa dạng hóa thu nhập là một chiến lược gia tăng thu nhập, chuyển dịch sự tập trung từ thu nhập lãi thuần của hoạt động tài trợ tín dụng truyền thống sang thu nhập ngoài lãi của các hoạt động cung cấp dịch vụ, ngoại hối và đầu tư (Stiroh, 2004; Elsas & ctg, 2010). Đa dạng hóa thu nhập có thể được đo lường thông qua chỉ số Herfindahl-Hirschman nhằm phân định sự khác biệt giữa tỷ lệ thu nhập lãi thuần và thu nhập ngoài lãi. (Stiroh & Rumble, 2006; Elsas & ctg, 2010; Pennathur & ctg, 2012). Ngoài ra, một hình thức đa dạng hóa khác có sự tương đồng với đa dạng hóa thu nhập, đó là đa dạng hóa tài sản. Elsas & ctg (2010) đo lường đa dạng hóa tài sản bằng một trừ tổng bình phương tỷ lệ dư nợ cho vay ròng và tỷ lệ tài sản khác trên tổng tài sản sinh lời.

Một hình thái đa dạng hóa khác đánh giá dưới góc độ đa dạng tài trợ tín dụng. Hình thái này thực hiện đa dạng các khoản tài trợ tín dụng giữa các ngành và khu vực kinh tế (Acharya & ctg, 2006; Chen & ctg, 2013). Mục đích chính của đa dạng hóa tài trợ tín dụng là phân bổ và giảm thiểu rủi ro cho các khoản vay độc lập, nhưng vấn đề này có thể sẽ

không mang lại hiệu quả đáng kể, bởi vì hiệu quả giám sát khoản vay sẽ bị giảm khi cho vay đa ngành (Acharya & ctg, 2006). Đa dạng hóa tài trợ tín dụng được đo lường thông qua xây dựng chỉ số Herfindahl-Hirschman bằng một trừ tổng bình phương tỷ lệ dư nợ cho vay từng ngành trên tổng dư nợ (Acharya & ctg, 2006; Chen & ctg, 2013).

Đa dạng hóa địa lý là một phương thức tiếp cận khác liên quan đến sự phát triển của các chi nhánh và phòng giao dịch trên một khu vực địa lý. Goetz & ctg (2013) định nghĩa đa dạng hóa địa lý là sự phân bổ tài sản của ngân hàng ở các vị trí địa lý khác nhau trong cùng quốc gia. Đa dạng hóa quốc tế có cùng quan điểm về phân bổ địa lý, nhưng mở rộng thêm các khu vực bên ngoài một quốc gia thông qua mở các chi nhánh, phòng giao dịch ở nước ngoài (Berger & ctg, 2010). Đa dạng hóa địa lý và đa dạng hóa quốc tế đều là chiến lược nhằm mục đích phân tán các rủi ro đặc thù ở từng khu vực địa lý và từng quốc gia. Các hình thái đa dạng hóa này thường được đo lường bằng biến giả hoặc tỷ lệ tài sản của các chi nhánh và phòng giao dịch ở những khu vực địa lý, quốc gia khác nhau.

### **2.2. Vai trò của đa dạng hóa trong hoạt động của ngân hàng**

Các quan điểm lý thuyết truyền thống cho rằng, ngân hàng nên đa dạng hóa ở mức cao nhất, bởi vì các ngân hàng thường có đòn bẩy tài chính cao và việc đa dạng hóa các lĩnh vực sẽ làm giảm rủi ro kiệt quệ tài chính và phá sản. Một số mô hình hoạt động của các định chế tài chính trung gian chỉ ra rằng đa dạng hóa giúp các định chế thực hiện tốt vai trò là người giám sát, sàng lọc các khoản vay (Diamond, 1984; Boyd & Prescott, 1986). Mặt khác, các nghiên cứu của Jensen (1986); Berger & ctg (1996); Denis & ctg (1997) cung cấp các bằng chứng cho rằng các định chế tài chính chỉ nên tập trung vào một ngành kinh doanh, lĩnh vực duy nhất nhằm hạn chế vấn đề đại diện và tận dụng tối đa năng lực chuyên môn của ban quản lý. Boot & Schmeits (2000) cho rằng chi phí phá sản dự kiến có thể giảm thông qua dàn trải hoạt động kinh doanh ở các môi trường kinh tế

khác nhau. Rose (1989) cho rằng các ngân hàng có tham gia kinh doanh những sản phẩm phi ngân hàng sẽ ít đối diện rủi ro về dòng tiền. Templeton & Severiens (1992) cung cấp bằng chứng cho thấy các ngân hàng có sự đa dạng hóa sang các sản phẩm tài chính khác có tác động tích cực giảm thiểu rủi ro phi hệ thống.

Quan điểm lý thuyết đối lập cho rằng, nguồn thu nhập càng đa dạng sẽ làm phát sinh các chi phí ngầm từ đó giảm khả năng sinh lời của các ngân hàng. Theo DeYoung & Roland (2001), việc ngân hàng có thu nhập chuyển đổi dần từ hoạt động cho vay truyền thống sang hoạt động thu phí dịch vụ sẽ dẫn đến biến động lớn về lợi nhuận. Stiroh (2004) cung cấp bằng chứng cho thấy đa dạng hóa thu nhập ngoài lãi có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động. Còn với Acharya & ctg (2006), khả năng giám sát kém hiệu quả và danh mục tài trợ tín dụng kém chất lượng xuất hiện khi các ngân hàng có rủi ro cao thực hiện đa dạng hóa cho vay ở các ngành và lĩnh vực khác nhau. Stiroh & Rumble (2006) cho rằng các thu nhập từ hoạt động ngân hàng đầu tư có mức độ biến động cao hơn các hoạt động ngân hàng truyền thống và vì lẽ đó nếu các ngân hàng có tỉ lệ cao thu nhập từ hoạt động này cao thì sẽ có ít lợi nhuận hơn. Elsas & ctg (2010) nhận định vấn đề đại diện và thông tin bất cân xứng có ảnh hưởng tiêu cực đến đa dạng hóa, gây ra hiện tượng thông tin sai lệch giữa trụ sở chính và các chi nhánh cộng hưởng với hành vi liều lĩnh của các nhà quản lý theo đuổi tăng trưởng thông qua đa dạng hóa.

Bên cạnh các chiến lược đa dạng hóa về sản phẩm và dịch vụ, đa dạng hóa về địa lý cũng cho thấy những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động ngân hàng. Các ngân hàng có thể tận dụng lợi thế quy mô thông qua đa dạng hóa địa lý, một khi các khoản đầu tư ban đầu hoàn tất và cơ sở hạ tầng về cơ bản đã hoàn thiện, các ngân hàng có thể mở rộng hệ thống ở các khu vực khác với chi phí thấp hơn. Lợi ích nhận được từ đa dạng hóa địa lý đó là tiếp cận dễ dàng hơn thị trường vốn ở các quốc gia và vùng lãnh thổ, từ đó làm giảm chi phí sử dụng

vốn (Deng & Elyasiani, 2008). Mahajan & ctg (1996) dựa trên mẫu nghiên cứu các ngân hàng đa quốc gia và ngân hàng nội địa ở Mỹ trong giai đoạn 1987-1990 cho rằng các ngân hàng đa quốc gia tận dụng tốt lợi thế quy mô và đạt hiệu suất hoạt động tốt hơn ngân hàng nội địa.

### **3. Kết luận**

Tự do hóa tài chính và sự giảm điều tiết của chính phủ trong lĩnh vực ngân hàng thời gian qua đã làm gia tăng áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng với nhau. Nhằm thích ứng trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, các ngân hàng đã thực hiện chiến lược đa dạng hóa thông qua phát triển các hoạt động ngân hàng phi truyền thống. Cạnh tranh góp phần làm giảm lợi thế về chi phí vốn, cũng như khả năng sinh lời của các ngân hàng. Vấn đề này đã đưa các ngân hàng phải có những quyết định chính xác để tồn tại, đó là: mở rộng hoạt động tài trợ tín dụng ở các ngành nghề lĩnh vực truyền thống sang những lĩnh vực mới chứa đựng nhiều rủi ro, hoặc theo đuổi các hoạt động ngân hàng phi truyền thống ngoại bảng, đánh đổi chi phí và lợi ích mang lại.

Các nhà nghiên cứu đã cung cấp các bằng chứng thực nghiệm giải thích vai trò của đa dạng hóa đến hoạt động ngân hàng theo nhiều hướng khác nhau cả tích cực, lẫn tiêu cực. Các nghiên cứu cho rằng, đa dạng hóa tác động tích cực đến hoạt động ngân hàng lập luận dựa trên quan điểm lợi thế quy mô, hiệu quả chi phí và xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững. Mặt khác, các nghiên cứu cho rằng đa dạng hóa có tác động tiêu cực đến hoạt động ngân hàng dựa trên quan điểm về hiệu quả quản lý ảnh hưởng bởi vấn đề đại diện. Sự mở rộng và thay đổi hoạt động kinh doanh làm phát sinh mâu thuẫn do không nắm bắt tính chất của các hoạt động mới, cũng như quan điểm điều hành các hoạt động kinh doanh truyền thống suốt thời gian dài. Bài nghiên cứu cung cấp một số chiến lược đa dạng hóa mà ngân hàng có thể lựa chọn thực hiện, bao gồm: đa dạng hóa thu nhập, đa dạng hóa tài sản, đa dạng hóa tài trợ tín dụng, đa dạng hóa về địa lý và quốc tế ■

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Acharya, V. V., Hasan, I., & Saunders, A. (2006). Should banks be diversified? Evidence from individual bank loan portfolios. *The Journal of Business*, 79(3), 1355-1412.
2. Berger, A. N., Hasan, I., & Zhou, M. (2010). The effects of focus versus diversification on bank performance: Evidence from Chinese banks. *Journal of banking & finance*, 34(7), 1417-1435.
3. Berger, P. G., Udell, E., & Udell, I. (1996). Investor valuation of the abandonment option. *Journal of Financial Economics*, 42(2), 259-287.
4. Boot, A. W. (2003). Restructuring in the banking industry with implications for Europe. *EIB papers*, 8(1), 109-129.
5. Boot, A. W., & Schmeits, A. (2000). Market discipline and incentive problems in conglomerate firms with applications to banking. *Journal of Financial Intermediation*, 9(3), 240-273.
6. Boyd, J. H., & Prescott, E. C. (1986). Financial intermediary-coalitions. *Journal of Economic theory*, 38(2), 211-232.
7. Chen, Y., Wei, X., Zhang, L., & Shi, Y. (2013). Sectoral diversification and the banks return and risk: Evidence from Chinese listed commercial banks. *Procedia Computer Science*, 18, 1737-1746.
8. Christiansen, W. A., & Pace, D. (1994). Relaxing the Glass-Steagall Act: Do Diversification Benefits Exist. *Journal of Financial and Strategic Decisions*, 7(3), 55-62.
9. Deng, S., & Elyasiani, E. (2008). Geographic diversification, bank holding company value, and risk. *Journal of Money, Credit and Banking*, 40(6), 1217-1238.
10. Denis, D. J., Denis, D. K., & Sarin, A. (1997). Agency problems, equity ownership, and corporate diversification. *The journal of finance*, 52(1), 135-160.
11. DeYoung, R., & Roland, K. P. (2001). Product mix and earnings volatility at commercial banks: Evidence from a degree of total leverage model. *Journal of Financial Intermediation*, 10(1), 54-84.
12. Diamond, D. W. (1984). Financial intermediation and delegated monitoring. *The review of economic studies*, 51(3), 393-414.
13. Ebrahim, A., & Hasan, I. (2008). The value relevance of product diversification in commercial banks. *Review of Accounting and Finance*, 7(1), 24-37.
14. Elsas, R., Hackethal, A., & Holzh#user, M. (2010). The anatomy of bank diversification. *Journal of banking & finance*, 34(6), 1274-1287.
15. Gambacorta, L., Scatigna, M., & Yang, J. (2014). Diversification and bank profitability: a nonlinear approach. *Applied economics letters*, 21(6), 438-441.
16. Goetz, M. R., Laeven, L., & Levine, R. (2013). Identifying the valuation effects and agency costs of corporate diversification: Evidence from the geographic diversification of US banks. *The Review of Financial Studies*, 26(7), 1787-1823.
17. Jensen, M. C. (1986). Agency costs of free cash flow, corporate finance, and takeovers. *The American economic review*, 76(2), 323-329.
18. Liang, J. N., & Rhoades, S. A. (1991). Asset diversification, firm risk, and risk-based capital requirements in banking. *Review of Industrial Organization*, 6, 49-59.
19. Mahajan, A., Rangan, N., & Zardkoohi, A. (1996). Cost structures in multinational and domestic banking. *Journal of banking & finance*, 20(2), 283-306.
20. Pennathur, A. K., Subrahmanyam, V., & Vishwasrao, S. (2012). Income diversification and risk: Does ownership matter? An empirical examination of Indian banks. *Journal of banking & finance*, 36(8), 2203-2215.

21. Rose, P. S. (1989). Diversification of the banking firm. *Financial Review*, 24(2), 251-280.
22. Stiroh, K. J. (2004). Diversification in banking: Is noninterest income the answer? *Journal of money, Credit and Banking*, 853-882.
23. Stiroh, K. J., & Rumble, A. (2006). The dark side of diversification: The case of US financial holding companies. *Journal of banking & finance*, 30(8), 2131-2161.
24. Templeton, W. K., & Severiens, J. T. (1992). The effect of nonbank diversification on bank holding company risk. *Quarterly Journal of Business and Economics*, 3-17.

**Ngày nhận bài: 9/9/2023**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 17/9/2023**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 9/10/2023**

*Thông tin tác giả:*

**1. BUI KIM YẾN<sup>1</sup>**

**2. TRẦN TRIỆU ANH KHOA<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

## **DIVERSIFICATION AND ITS ROLE IN THE OPERATIONS OF BANKS**

● **BUI KIM YEN<sup>1</sup>**

● **TRAN TRIEU ANH KHOA<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>University of Economics Ho Chi Minh City

<sup>2</sup>Industrial University of Ho Chi Minh City

### **ABSTRACT:**

In the current business environment, non-financial companies are increasingly pouring resources into specialized activities to optimize their business efficiency. Meanwhile, financial enterprises, specifically commercial banks, tend to increase business diversification. This study explored the role of diversification in the operations of banks and determined the impact of diversification on the banking industry's issues, including value creation.

**Keywords:** diversification, commercial bank.